

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2018/DS-PT
Ngày 14 - 6 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông Trần Văn Lực

Các Thẩm phán:

Ông Ngô Đê

Ông Huỳnh Đắc Dương

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Bích Nhân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà:
Ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 51/2018/TLPT- DS, ngày 26/4/2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 07/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 249/2018/QĐ-PT ngày 18 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L (tên gọi khác: Tư T), sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư Lâm Khắc S - Văn phòng Luật sư Lâm Khắc S thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị S (tên gọi khác: Bé S), sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Người kháng cáo: Bà Đỗ Thị S là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 02/10/2017 nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:*

Do bà và bà Đỗ Thị S là chỗ quen biết trong việc làm ăn mua bán dừa với

nhau, nên vào cuối năm 2016 (âm lịch) bà có cho bà S vay 03 lần tiền tổng cộng 800.000.000 đồng. Việc vay nợ hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng nhưng không làm văn bản, không người làm chứng, không thỏa thuận thời hạn trả tiền vay, cụ thể như sau:

- Lần 01: Ngày 23/01/2017 (nhằm ngày 26/12/2016 âm lịch), bà S vay 500.000.000 đồng. Số tiền này bà trực tiếp giao cho bà S nhận.

- Lần 02: Ngày 25/01/2017 (nhằm ngày 28/12/2016 âm lịch), bà S vay 50.000.000 đồng. Số tiền này bà giao cho chị Trần Thị L1 là con dâu bà S nhận dùm bà S.

- Lần 03: Ngày 23/3/2017 (nhằm ngày 26/02/2017 âm lịch), bà S vay 250.000.000 đồng. Số tiền này bà trực tiếp giao cho bà S nhận và sau đó bà S có trả lãi cho bà được 01 tháng từ ngày vay đến 23/4/2017 bằng 12.500.000 đồng.

Sau 03 lần vay tiền, bà S có trả cho bà được 100.000.000 đồng vào ngày 11/4/2017.

Ngoài ra, trước các lần vay tiền trên (khoảng năm 2010), thời điểm đó giữa bà và bà S còn làm ăn chung với nhau, bà có cho bà S mượn số tiền 60.000.000 đồng để bà S làm vốn mua dừa. Số tiền này bà giao cho bà S trực tiếp nhận 03 lần nhưng cũng không làm biên nhận, không người làm chứng.

Do bà S không thừa nhận nợ nên bà khởi kiện yêu cầu bà S trả cho bà số tiền vốn 760.000.000 đồng và tiền lãi 51.300.000 đồng.

Trong đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện ngày 17/01/2018 nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:

Bà xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền đã cho bà S vay lần 01 là 500.000.000 đồng, số tiền cho bà S mượn làm vốn mua dừa 60.000.000 đồng và tiền lãi của 02 khoản tiền này. Do bà rút lại yêu cầu này nên bà khẳng định bà S chưa trả cho bà 100.000.000 đồng.

** Bị đơn bà Đỗ Thị S trình bày:*

Bà không thừa nhận có nợ bà L số tiền vay 500.000.000 đồng (lần 01), số tiền vay 50.000.000 đồng (lần 02) và số tiền mượn 60.000.000 đồng để làm vốn mua dừa như bà L khai. Đối với số tiền vay 250.000.000 đồng (lần 03), bà thừa nhận có vay của bà L nhưng sau đó đã trả đủ cho bà L tiền gốc và tiền lãi 37.000.000 đồng.

Việc bà L cho rằng số tiền vay 50.000.000 đồng (lần 02) bà L đưa tiền cho chị Trần Thị L1 là con dâu của bà nhận để giao cho bà, bà khẳng định không có. Nhưng do bà có bán dừa cho bà L, bà L trả tiền chưa đủ còn nợ bà 46.000.000 đồng, nên vào ngày 25/01/2017 (nhằm ngày 28/12/2016 âm lịch) bà có nhờ người con dâu tên Trần Thị L1 (Út L1) đến nhà bà L lấy tiền dùm bà nên bà L giao.

Do đã thanh toán đủ cho bà L số tiền vay 250.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận, nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 07/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần đã xử:

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc bà Đỗ

Thị S trả số tiền vay 500.000.000 đồng và số tiền mượn 60.000.000 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L đòi bà S trả số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 24/4/2017 cho đến ngày xét xử xong vụ án.

Buộc bà Đỗ Thị S có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị L số tiền vay còn nợ là 309.060.882 đồng (*trong đó tiền vốn 296.000.000 đồng, tiền lãi 13.060.882 đồng*).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền kháng cáo và quyền thỏa thuận, tự nguyện, yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/3/2018, bị đơn bà Đỗ Thị S kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

** Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng:*

Sau khi xét xử sơ thẩm bà L đồng ý quyết định của án sơ thẩm nên không kháng cáo. Bà S kháng cáo cho rằng đã trả số tiền 250.000.000 đồng và 37.000.000 đồng tiền lãi cho bà L, nhưng bà S không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Số tiền 100.000.000 đồng bà L thừa nhận có nhận vào ngày 11/4/2017 là tiền bà S trả trong số tiền vay 500.000.000 đồng, không phải trả trong số tiền vay 250.000.000 đồng và tại phiên tòa hôm nay bà L cũng khẳng định không có nhận từ bị đơn số tiền 100.000.000 đồng. Giữa bà S và bà L mặt dù có mua bán dứa với nhau, nhưng khi mua bán thanh toán sòng phẳng, nên bà S cho rằng số tiền đã nhận của bà L 46.000.000 đồng là tiền bà L nợ tiền dứa là không đúng, bà S cũng không chứng minh được số tiền đã nhận là tiền dứa do bà L trả. Bản án sơ thẩm tuyên là hợp tình hợp lý, bị đơn kháng cáo nhưng không có cơ sở chứng minh, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Số tiền 50.000.000 đồng bà L cho rằng đã cho bà S vay vào ngày 25/01/2017 (nhằm ngày 28/12/2016 âm lịch), giao tiền cho chị L1 là con dâu của bà S nhận. Bà S không thừa nhận có vay, nhưng thừa nhận chị L1 có nhận từ bà L số tiền dứa 46.000.000 đồng là tiền bà L trả nợ tiền dứa cho bà S. Theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bà S phải có nghĩa vụ chứng minh tiền đã nhận 46.000.000 đồng là tiền bà L trả tiền dứa, bà L có nghĩa vụ chứng minh số tiền 4.000.000 đồng do bà S không thừa nhận. Do cả nguyên đơn và bị đơn đều không chứng minh được vấn đề pháp lý này nên án sơ thẩm buộc bà S trả cho bà L 46.000.000 đồng theo sự thừa nhận của bà S là đúng.

Đối với số tiền vay 250.000.000 đồng, bà S thừa nhận có nợ bà L nhưng không chứng minh được việc trả nợ, án sơ thẩm buộc bà S trả cho bà L số tiền này là có căn cứ. Việc trả lãi của bà S cho bà L về khoản nợ này là cao so với quy định của pháp luật, án sơ thẩm giải quyết khấu trừ là phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 bác kháng cáo của bà S, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Phạm Thị L khởi kiện bị đơn bà Đỗ Thị S yêu cầu trả 04 khoản tiền bằng 760.000.000 đồng. Quá trình tố tụng bà L rút đơn khởi kiện đối với yêu cầu đòi bị đơn trả 500.000.000 đồng tiền vay và 60.000.000 đồng tiền mượn làm vốn mua bán dừa. Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của nguyên đơn, tiến hành xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả 02 khoản tiền vay với số tiền 300.000.000 đồng là đúng phạm vi khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn về khoản nợ vay 50.000.000 đồng, số tiền này bà S không thừa nhận có vay, nhưng thừa nhận có nhận của bà L 46.000.000 đồng do bà L trả nợ tiền dừa. Theo quy định của pháp luật thì bà S phải có nghĩa vụ chứng minh về số tiền đã nhận không phải tiền vay mà là tiền bán dừa bà L nợ, bà L phải có nghĩa vụ chứng minh số tiền chênh lệch 4.000.000 đồng do bà S không thừa nhận. Do bà S và bà L đều không đưa ra được chứng cứ để chứng minh theo nghĩa vụ của mình, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của các bên đương sự xử buộc bà S phải trả cho bà L số tiền 46.000.000 đồng và bác yêu cầu của bà L 4.000.000 đồng là đúng pháp luật.

[3] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như đơn yêu cầu giải quyết của bà L gửi Ủy ban nhân dân xã T ngày 17/8/2017 (bút lục 06), biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã T (bút lục 7, 8), đơn khởi kiện của bà L ngày 20/10/2017 (bút lục 18), biên bản hòa giải ngày 20/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cầu (bút lục 23, 24, 25) bà L trình bày thống nhất là: Sau 03 lần vay tiền, bà S có trả cho bà được 100.000.000 đồng vào ngày 11/4/2017.

[4] Trong đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 17/01/2018 (bút lục số 67) nguyên đơn bà Phạm Thị L có trình bày: “Nay tôi xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay lần 01 vào ngày 26/12/2016 âm lịch ngày 23/01/2017 dl bà S vay số tiền 500.000.000 đồng và số tiền mượn 60.000.000 đồng và số tiền lãi đối với 02 số tiền này *(Do tôi rút lại yêu cầu của 02 số tiền này nên tôi khẳng định lại bà S chưa trả cho tôi 100.000.000 đồng nào cả)*”. Tại phiên tòa phúc thẩm bà L khai có nhận 100.000.000 đồng của bà S trả nhưng đó là tiền bà S trả của khoản vay 500.000.000 đồng.

[5] Xét kháng cáo của bị đơn về khoản nợ vay 250.000.000 đồng thấy rằng: Bà S thừa nhận có nợ bà L về số tiền này nhưng cho rằng đã trả rồi, việc trả nợ của bà S không được bà L thừa nhận. Theo quy định của pháp luật thì bà S phải có nghĩa vụ chứng minh về số tiền đã trả cho bà L và cũng phải xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ trong đó có khoản tiền 100.000.000 đồng lúc thì bà L thừa nhận có nhận của bà S trả, lúc thì phủ nhận, lúc thì thừa nhận có nhận

nhưng cho rằng đó là tiền bà S trả khoản nợ khác. Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự và các chứng cứ như đã diện dẫn ở nội dung nhận định [2] và [3] có đủ cơ sở để khẳng định bà L đã nhận tiền vốn bà S trả 100.000.000 đồng vào ngày 11/4/2017, nên số tiền này phải được khấu trừ vào khoản tiền vay 250.000.000 đồng mà bà S đã nợ bà L. Tòa án cấp sơ thẩm khi xét xử không xem xét tình tiết này là đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, nên dẫn đến quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền này là không đúng.

[6] Từ những nhận định trên, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà S về khoản tiền vay 50.000.000 đồng. Đối với kháng cáo về khoản nợ vay 250.000.000 đồng có căn cứ để chấp nhận một phần về số tiền 100.000.000 đồng bà L đã nhận vào ngày 11/4/2017. Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không phù hợp với nhận định của Tòa án nên không được chấp nhận. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa không đề nghị khấu trừ số tiền 100.000.000 đồng bà L đã nhận vào ngày 11/4/2017 nên được chấp nhận một phần. Như vậy, bà S có trách nhiệm trả cho bà L 02 khoản nợ vay là: 46.000.000 đồng + (250.000.000 đồng – 100.000.000 đồng) = 196.000.000 đồng.

[7] Về trả lãi trong việc vay: Khoản tiền vay 250.000.000 đồng nguyên đơn thừa nhận có nhận 12.500.000 đồng tiền lãi của bị đơn trả một tháng với mức lãi suất 5%. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm (tức không vượt quá 20% chia cho 12 tháng bằng 1.666%/tháng), thỏa thuận trả lãi 5%/tháng đã vượt quá lãi suất giới hạn nên mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực và phải được khấu trừ vào vốn gốc tại thời điểm trả lãi. Khi giải quyết khoản tiền lãi này Tòa án cấp sơ thẩm có xem xét, nhưng khấu trừ vào khoản lãi bị đơn phải có nghĩa vụ trả tiếp đến ngày xét xử sơ thẩm là không đúng nên cần phải xem xét lại.

[8] Tổng số tiền bà S có trách nhiệm trả cho bà L được tính cụ thể như sau:

- Số tiền lãi phải trả 01 tháng của khoản tiền vay 250.000.000 đồng: $250.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/12 \text{ tháng} \times 01 \text{ tháng} = 4.166.000 \text{ đồng}$. Số tiền bà L nhận lãi vượt quá quy định: $12.500.000 \text{ đồng} - 4.166.000 \text{ đồng} = 8.334.000 \text{ đồng}$. Số tiền gốc bà S có trách nhiệm trả cho bà L 02 khoản nợ vay là: $196.000.000 \text{ đồng} - 8.334.000 \text{ đồng} = 187.666.000 \text{ đồng}$.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì mức lãi suất bà S có nghĩa vụ trả cho bà L từ ngày 24/4/2017 đến thời điểm trả nợ bằng 10%/năm. Thời gian trả lãi tính đến ngày xét xử phúc thẩm (ngày 14 tháng 6 năm 2018) là 416 ngày. Tổng số tiền lãi bà S có trách nhiệm trả cho bà L là: $187.666.000 \text{ đồng} \times 10\%/12 \text{ tháng} \times 416 \text{ ngày}/30 \text{ ngày} = 21.685.849 \text{ đồng}$.

- Tổng số tiền gốc và lãi bà S phải có trách nhiệm trả bà L là: $187.666.000 \text{ đồng} + 21.685.849 \text{ đồng} = 209.351.849 \text{ đồng}$.

[9] Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 4.000.000 đồng không được Tòa án chấp nhận. Bà S phải chịu 5% án phí

dân sự sơ thẩm đối với tổng số tiền phải hoàn trả cho bà L. Do sửa án án thẩm nên bà S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 357, 429, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đỗ Thị S. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 07/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L. Buộc bà Đỗ Thị S có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị L số tiền 209.351.849 đồng (*hai trăm lẻ chín triệu ba trăm năm mươi một ngàn tám trăm bốn mươi chín đồng*). Trong đó:

+ Tiền gốc: 187.666.000 đồng.

+ Tiền lãi: 21.685.849 đồng đồng.

- Về án phí:

+ Buộc bà Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Số tiền bà L đã nộp tạm ứng 18.169.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0011616 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần được khấu trừ vào số tiền bà L phải chịu. Bà L được hoàn lại 17.869.500 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

+ Buộc bà Đỗ Thị S phải chịu 10.467.592 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền 300.000 đồng do bà S đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015368 ngày 16/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần được khấu trừ vào số tiền bà S phải chịu. Bà S còn phải nộp tiếp 10.167.592 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Lực

